

Bản án số: 375/2023/DS-PT
Ngày 06/9/2023
V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2055/2023/QĐPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Châu P, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là: Ông Lê Châu T, Luật gia thuộc Hội luật gia tỉnh B.

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị E, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Phan Thị L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Phan Thị P1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: Chị Nguyễn Thụy Hồng T1, sinh năm 1991, địa chỉ: Số nhà G, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Văn T2, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn Châu P2 là nguyên đơn, ông Phan Văn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn Châu P trình bày:

Anh P có ông nội là Phan Văn Ú chết năm 1972, bà nội là Nguyễn Thị M chết năm 2021. Ông Ú, bà M có 04 người con chung là Phan Thị E, Phan Thị P1, Phan Thị L, Phan Văn T2; ông Ú, bà M không có con riêng hoặc con nuôi nào khác, cha mẹ của ông Ú, bà M đều đã chết.

Bà Nguyễn Thị M có quản lý, sử dụng phần đất diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/12/2012.

Do bà E, bà P1, bà L có gia đình và ở riêng nên không được bà M chia đất. Ông T2 là con trai duy nhất trong gia đình nên sau khi ông T2 có vợ thì được cha mẹ cho một phần đất khoảng 02 công (2.000m²) có nguồn gốc của cô ruột của ông T2 để lại, phần đất này cũng ở gần với thửa đất 155 của bà M để thuận tiện cho việc ông T2 và các con chăm sóc bà M. Ông T2 có vợ ra ở riêng nhưng khi bà M già yếu thì ông T2 có canh tác đất thửa 155, tờ bản đồ số 10 để nuôi bà M.

Anh từ nhỏ sống chung với bà M, năm 2014 đi nghĩa vụ quân sự về thì đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng cũng thường xuyên về chăm sóc cho bà M. Bà E, bà P1, bà L đã có cuộc sống riêng, kinh tế ổn định nên bà M đã lập di chúc để cho anh toàn bộ diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10,

tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Việc lập di chúc được tiến hành đúng trình tự quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 22/01/2018, số chứng thực 01 quyền số I/2018- SCT/HĐ, GD. Bà M chết ngày 31/12/2021, đến ngày 24/01/2022 anh có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã H yêu cầu được công bố di chúc.

Bà M chết năm 2021. Ngày 03/3/2022, Ủy ban nhân dân xã H mời bà E, bà P1, bà L, ông T2 và anh đến Ủy ban nhân dân xã để công bố di chúc của bà M để đất lại cho anh thì bà E, bà P1, bà L không đồng ý và cung cấp một bản di chúc của bà M có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 01/10/2021 để lại diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10 cho bà E, bà P1, bà L.

Việc bà M lập di chúc ngày 01/10/2021 để lại diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, cho bà E, bà P1, bà L thì anh và ông T2 hoàn toàn không hay biết. Khi lập di chúc bà M cũng không có yêu cầu hủy bản di chúc ngày 22/01/2018; đồng thời ngày 01/10/2021 bà M bị bệnh không còn minh mẫn, sáng suốt để lập di chúc đến ngày 02/10/2021 bà M nhập viện (có giấy xuất viện kèm theo). Từ những lý do trên anh cho rằng di chúc lập ngày 01/10/2021 không có hiệu lực và tờ di chúc ngày 22/01/2018 có hiệu lực pháp lý. Do đó anh yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Yêu cầu tuyên bố Tờ di chúc của bà Nguyễn Thị M có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 01/10/2021 để lại diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cho bà Phan Thị E, bà Phan Thị L, bà Phan Thị P1 là vô hiệu.

- Yêu cầu công nhận Tờ di chúc của bà Nguyễn Thị M có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 22/01/2018 để lại diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cho ông Phan Văn Châu P2 là hợp pháp.

- Anh Phan Văn Châu P2 yêu cầu được nhận phần thừa kế theo di chúc phần đất có diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Anh thống nhất cây trồng trên đất là của ông T2 trồng nên anh đồng ý yêu cầu của ông T2. Anh thống nhất phần đất được xác định qua ranh thửa 154 của anh Ngô Kiên G là do lệch ranh anh không tranh chấp vị trí này.

Anh Phan Văn Châu P2 thống nhất với kết quả thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định, đo đạc, định giá, đối với chi phí tố tụng anh yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị E, bà Phan Thị L, bà Phan Thị P1 trình bày:

Các bà thống nhất lời trình bày của anh Châu P2 là ông Phan Văn Ú chết năm 1972, bà Nguyễn Thị M chết năm 2021. Ông Ú, bà M có 04 người con chung là Phan Thị E, Phan Thị P1, Phan Thị L, Phan Văn T2. Khi còn sống bà Nguyễn Thị M là chủ sử dụng phần đất diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/12/2012.

Bà M có lập di chúc cho anh Châu P2 toàn bộ diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Việc lập di chúc được tiến hành tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 22/01/2018, số chứng thực 01 quyền số I/2018- SCT/HĐ, GD.

Bà M lập di chúc cho anh P2 thừa đất nêu trên anh P2 phải có nghĩa vụ chăm sóc cho bà M, tuy nhiên sau khi lập di chúc xong anh P2 không làm tròn trách nhiệm phụng dưỡng bà M trong thời gian dài nên bà M đã thay đổi di chúc; cụ thể ngày 01/10/2021 bà Nguyễn Thị M lập tờ di chúc mới có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 01/10/2021 để lại diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cho bà Phan Thị E, bà Phan Thị L, bà Phan Thị P1, do đó tờ di chúc này đã thay thế tờ di chúc ngày 22/01/2018 nên tờ di chúc của anh Phan Văn Châu P2 không còn hiệu lực.

Đối với ngôi nhà trên đất là tài sản của bà M; Đối với cây trồng trên đất là tài sản của bà M, ông T2 giúp bà M trông và chăm sóc cây, tuy nhiên bà M là người trực tiếp thu hoạch hoa lợi.

Do đó bà Phan Thị E, bà Phan Thị L, bà Phan Thị P1 có yêu cầu như sau:

- Yêu cầu công nhận Tờ di chúc của bà Nguyễn Thị M có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 01/10/2021 để lại diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cho bà Phan Thị E, bà Phan Thị L, bà Phan Thị P1 là hợp pháp.

- Yêu cầu Tuyên bố Tờ di chúc của bà Nguyễn Thị M có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 22/01/2018 để lại diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cho ông Phan Văn Châu P2 là vô hiệu.

- Bà Phan Thị E, bà Phan Thị L, bà Phan Thị P1 yêu cầu công nhận cho các bà được hưởng thừa kế theo di chúc phần đất có diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đối với ngôi nhà trên đất đây là ngôi nhà tình thương do nhà nước cấp cho bà M, các công trình phụ và cây trồng trên đất là di sản của bà M, không phải là của ông T2, anh P2 nên bà E, bà L, bà P1 yêu cầu được nhận toàn bộ. Bà E, bà L, bà P1 không đồng ý bồi hoàn cho ông T2, anh P2.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T3 trình bày:

Ông đồng ý lời trình bày của anh Phan Văn Châu P2. Ông không đồng ý với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị E, bà Phan Thị L, bà Phan Thị P1.

Ông có vợ ra ở riêng nhưng khi bà M còn sống ông là con trai duy nhất nên là người thường xuyên chăm sóc nuôi bệnh cho bà M, bà M có nói khi nào bà chết sẽ để lại tài sản cho cháu nội, ông biết bà M để lại di chúc cho anh Châu P2, ông hoàn toàn không biết bà M thay đổi di chúc để lại toàn bộ thửa đất nêu trên cho bà E, bà L, bà P1. Hơn nữa bà E, bà L, bà P1 là con gái đã có chồng, có gia đình riêng từ lâu nên nếu nhận di sản của bà M thì cũng không thể thờ cúng ông bà vì các con của bà E, bà P1, bà L không cùng họ với ông.

Bản thân ông có được cha mẹ cho khoảng 2 công đất nhưng đây là phần đất của người cô ruột cho cha ông và cha ông để lại cho ông. Thời điểm nhà nước cấp nhà tình thương cho bà M ông là người đứng ra bảo lãnh lo toan mọi việc nên nhà nước mới đồng ý cho cất nhà chứ thời điểm đó bà M đã lớn tuổi không làm được.

Đối với cây trồng trên đất do ông là người bỏ tiền ra mua cây giống về trồng và thường xuyên chăm sóc thu hoạch để lấy tiền nuôi dưỡng bà M. Do đó ông khẳng định cây trồng trên đất là của ông.

Ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Châu P2 yêu cầu Tòa án giao nhà và đất cho anh Châu P2 được quản lý, sử dụng. Ông không đồng ý cho bà E, bà L, bà P1 hưởng di sản của bà M để lại. Trong trường hợp Tòa án giao đất cho nguyên đơn hoặc bị đơn thì ông có yêu cầu người được giao đất phải có trách nhiệm giao trả giá trị cây trồng trên đất cho ông. Ông thống nhất với kết quả thu thập chứng thẩm định, đo đạc, định giá, đối với chi phí tố tụng bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Phan Văn Châu P2 về việc yêu cầu chia thừa theo di chúc của bà Nguyễn Thị M ngày 22/01/2018.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L chia thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị M ngày 01/10/2021 đối với diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Phan Văn T2, anh Phan Văn Châu P2 có trách nhiệm giao cho bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L phần đất có diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Giao cho bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L được quyền quản lý sử dụng các tài sản trên đất như sau:

- Nhà chính: Kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic, mái lợp tol tráng kẽm, trần nhựa có diện tích 32m².

- Nhà phụ: Kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch chưa tô, nền lát gạch tàu, mái lợp tol tráng kẽm, không trần có diện tích 12,22m².

- 01 Hồ nước thể tích 2m³;

- 50 cây mít; 01 cây dừa; 01 cây vú sữa, 03 bụi chuối.

Bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L phải liên đới trách nhiệm hoàn trả cho ông Phan Văn T2 giá trị cây trồng trên đất với số tiền 22.690.000 đồng.

Bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất nêu trên như sau:

- Phía Bắc giáp thửa 154, tờ bản đồ số 10 của ông Ngô Kiên G;

- Phía Đông giáp thửa 139, tờ bản đồ số 10 của ông Lưu Văn B;

- Phía Nam giáp thửa 188, tờ bản đồ số 10 của ông Phan Văn V;

- Phía Tây giáp thửa 190, tờ bản đồ số 10 của ông Đặng Văn N và thửa 365, tờ bản đồ số 10 của ông Lê Quang M1;

(Có họa đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2023 nguyên đơn anh Phan Văn Châu P2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T2 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thống nhất trình bày ông Phan Văn Ú chết năm 1972, bà Nguyễn Thị M chết năm 2021 là vợ chồng. Cha mẹ của ông Ú, bà M đều đã chết, ông bà có 04 người con chung là Phan Thị E, Phan Thị P1, Phan Thị L, Phan Văn T2, ngoài ra không có con nuôi hay con riêng nào khác.

[2] Về di sản: Diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre và Nhà chính: 32m²; Nhà phụ: 12,22m²; 01 Hồ nước được các con của ông Ú, bà M thống nhất là của bà M.

[3] Về di chúc:

- Tờ di chúc bà M lập ngày 17/01/2018 để lại diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cho cháu nội là anh Phan Văn Châu P2.

- Tờ di chúc bà M lập ngày 01/10/2021 để lại diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cho 03 người con là: bà Phan Thị E, bà Phan Thị L, bà Phan Thị P1.

Xét 02 tờ di chúc được lập ngày 17/01/2018 và ngày 01/10/2021 đều đảm bảo về hình thức và nội dung cụ thể, có ngày, tháng, năm lập di chúc, họ tên nơi cư trú của người lập di chúc và người được hưởng di sản, di sản để lại và nơi có di sản đều được ghi rõ ràng, đều được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H theo đúng quy định tại Điều 630, 631 Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ quy định tại khoản 5, Điều 643 Bộ luật Dân sự 2015 “*Khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực*”.

Đối với yêu cầu giám định dấu vân tay của bà M trong di chúc ngày 01/10/2021 của nguyên đơn thì thấy rằng: Di chúc lập ngày 01/10/2021 của bà Nguyễn Thị M được Ủy ban nhân dân xã H xác định tiếp nhận và thực hiện chứng thực di chúc theo quy định pháp luật. Đây là văn bản công chứng có giá trị pháp lý bắt buộc, không cần phải chứng minh các tình tiết, sự kiện trong văn bản. Anh P2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh khi lập di chúc bà M bị đe dọa, ép buộc, lừa dối, không có năng lực hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc quy trình tiếp nhận chứng thực có vi phạm nên việc nguyên đơn yêu cầu giám định dấu vân tay của bà M trong di chúc ngày 01/10/2021 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ đó, có căn cứ xác định Tờ di chúc lập ngày 01/10/2021 là có hiệu lực và Tờ di chúc ngày 17/01/2018 là vô hiệu nên di sản của bà M được chia theo di chúc ngày 01/10/2021. Đối với ngôi nhà và các công trình phụ trên đất, các bên đều thừa nhận là nhà tình thương do Nhà nước cất cho bà Nguyễn Thị M nên phía bị đơn được nhận tài sản này.

Đối với phần cây trồng trên đất, phía ông P2 và ông T2 trình bày là của ông T2 bỏ tiền mua cây giống, đầu tư cải tạo vườn để bà M hưởng hoa lợi, phía các bị đơn cho rằng ông T2 chỉ làm giúp bà M. Xét thấy phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc bà M là người đầu tư cây trồng và cải tạo vườn, mặt khác bà M đã lớn tuổi, từ nhỏ ông T2 đã sống gần gũi bà M, việc ông đầu tư mua cây giống, trồng và chăm sóc cải tạo vườn cho bà M hưởng hoa lợi là phù hợp. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc phía bị đơn phải hoàn giá trị cây trồng cho ông T2 số tiền là 22.690.000 đồng là phù hợp.

[4] Đối với yêu cầu của bà Phan Thị D (là vợ của ông Phan Văn T2) về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trong khi bà là người trồng cây trên đất, quản lý, sử dụng đất là vi phạm thủ tục tố tụng. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng khi thụ lý, giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ bà D cũng không có ý kiến gì. Ngoài ra, chồng và con của bà D là ông T2 và anh P2 cùng thống nhất xác nhận cây trồng trên đất là của ông T2 trồng cho bà M, ông T2, anh P2 cũng không trực tiếp quản lý, sử dụng đất mà khi còn sống phần đất này do bà M quản lý thu huê lợi, khi bà M chết ông T2, anh P2 chỉ đến thắp hương

vì hiện nay ông T2, anh P2 đang sinh sống tại nhà riêng kế bên phần đất tranh chấp nên việc bà D cho rằng bà đang quản lý, sử dụng đất, có công sức đóng góp tôn tạo đất và không đồng ý giao trả đất là không có cơ sở nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà vào tham gia tố tụng là phù hợp và không làm ảnh hưởng đến nội dung, bản chất vụ án.

Từ những nhận định trên, do anh Phan Văn Châu P và ông Phan Văn T2 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Phan Văn Châu P2, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị của Kiểm sát viên là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Phan Văn Châu P và ông Phan Văn T2 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Phan Văn Châu P;
Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Điều 612, 613, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, khoản 5 Điều 643 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Phan Văn Châu P2 về việc yêu cầu chia thừa theo di chúc của bà Nguyễn Thị M ngày 22/01/2018 và yêu cầu tuyên bố di chúc của bà Nguyễn Thị M ngày 01/10/2021 là vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L chia thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị M ngày 01/10/2021 đối

với diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Phan Văn T2, anh Phan Văn Châu P2 có nghĩa vụ giao cho bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L phần đất có diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre và giao cho bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L được quyền quản lý sử dụng các tài sản trên đất như sau:

- Nhà chính: Kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic, mái lợp tol tráng kẽm, trần nhựa có diện tích 32m².

- Nhà phụ: Kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch chưa tô, nền lát gạch tàu, mái lợp tol tráng kẽm, không trần có diện tích 12,22m².

- 01 Hồ nước thể tích 2m³;

- 50 cây mít; 01 cây dừa; 01 cây vú sữa, 03 bụi chuối.

Bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Phan Văn T2 giá trị cây trồng trên đất với số tiền 22.690.000 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 966,1m² thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L phải hoàn trả cho anh Phan Văn C Phi số tiền 2.511.000 đồng (hai triệu năm trăm mười một nghìn đồng).

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L phải liên đới nộp là 26.869.146 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008566 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách. Bà Phan Thị E, bà Phan Thị P1, bà Phan Thị L phải có nghĩa vụ liên đới nộp tiếp số tiền 26.569.146 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng).

Anh Phan Văn Châu P2 phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008519 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phan Văn Châu P và ông Phan Văn T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004417 và 0004418 cùng ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tòng

